

KẾT QUẢ
KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẬC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)
(Đợt 06 năm 2025, 28/09/2025)
(Ban hành theo Quyết định số 40/MYH26/VHU/QĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025)

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.06.001	191A140193	Phạm Quế	Anh	01/06/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	8.3	9.8	4.5	29.6	7.4	Đậu	
2	VHU.TAC1.06.002	218A140036	Trần Minh	Hoàng	21/11/1977	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	2.3	1.7	0.5	10.5	2.6	Rớt	
3	VHU.TAC1.06.003	151A070032	Thái Phan Vũ	Huy	02/02/1995	Tây Ninh	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
4	VHU.TAC1.06.004	161A140466	Trần Minh	Khang	03/12/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	7.6	7.3	7.0	27.9	7.0	Đậu	Bảo lưu: Nói 6,0; Nghe 7,6; Đọc 7,3
5	VHU.TAC1.06.005	211A140383	Trần Minh	Khoa	14/08/2003	Tây Ninh	8.0	7.9	9.2	4.0	29.1	7.3	Đậu	
6	VHU.TAC1.06.006	211A140057	Đặng Nguyễn Diệu	Lan	14/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	5.6	8.1	7.0	26.7	6.7	Đậu	Bảo lưu: Nói 6,0; Nghe 5,6
7	VHU.TAC1.06.007	211A140070	Vũ Ngọc	Linh	27/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	6.1	8.7	4.0	24.8	6.2	Đậu	
8	VHU.TAC1.06.008	191A140056	Nguyễn Ngọc Thuý	Linh	28/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	5.4	8.1	6.8	28.3	7.1	Đậu	
9	VHU.TAC1.06.009	201A140042	Võ Yển	Nhi	22/10/2002	Vĩnh Long	8.0	4.3	7.0	8.0	27.3	6.8	Đậu	
10	VHU.TAC1.06.010	211A140456	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	22/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	1.7	5.6	4.0	18.8	4.7	Rớt	
11	VHU.TAC1.06.011	181A140047	Nguyễn Thành	Sang	19/12/1996	Vĩnh Long	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
12	VHU.TAC1.06.012	211A140106	Lê Trần Diệu	Thanh	08/12/2003	Khánh Hoà	6.0	4.6	5.3	5.0	20.9	5.2	Đậu	
13	VHU.TAC1.06.013	201A140218	Lê Thị Thanh	Thảo	04/04/2002	Đồng Nai	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	0.0	0.0	Rớt	Vắng
14	VHU.TAC1.06.014	211A140015	Trần Ngọc Minh	Thư	04/12/2001	Lâm Đồng	8.0	8.4	7.3	4.8	28.5	7.1	Đậu	
15	VHU.TAC1.06.015	211A140373	Vũ Thị	Thúy	20/01/2003	Thanh Hóa	5.5	5.0	2.5	5.5	18.5	4.6	Rớt	Bảo lưu: Nói 5,5; Nghe 5,0
16	VHU.TAC1.06.016	211A140241	Lê Thị Huyền	Trân	23/01/2003	Tây Ninh	5.0	3.6	5.6	6.5	20.7	5.2	Đậu	
17	VHU.TAC1.06.017	211A140488	Nguyễn Hồng	Uyên	05/03/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	5.5	3.3	4.5	4.3	17.6	4.4	Rớt	
18	VHU.TAC1.06.018	211A140016	Vũ Trần Thảo	Vy	04/10/2001	Lâm Đồng	7.5	8.6	5.3	4.5	25.9	6.5	Đậu	

STT	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
19	VHU.TAC1.06.019	211A140442	Nguyễn Thị	Kiều Vy	26/11/2003	Quảng Ngãi	6.0	7.8	8.7	4.0	26.5	6.6	Đậu	
20	VHU.TAC1.06.020	213A140003	Võ Thị	Yên	02/08/1986	Thành phố Đà Nẵng	7.0	6.8	8.4	5.0	27.2	6.8	Đậu	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 20
Số thí sinh dự kiểm tra: 17
Số thí sinh vắng kiểm tra: 03
Số thí sinh đậu: 13
Số thí sinh rớt: 04

Hiệu trưởng

(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Minh Đức